

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 330/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/11/2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Loan  
Bà Đỗ Thị Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện H
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*  
Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị A, sinh năm 1993

Địa chỉ: xóm 6, xã Ng, huyện S, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Trương Đình B, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn 1, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Đàm Thị A, vắng mặt bị đơn anh Trương Đình B không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2019, bản tự khai ngày 03/9/2019 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đàm Thị A thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi và anh Trương Đình B tự nguyện tổ chức cưới và được Ủy ban nhân dân xã Tr cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/01/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên mâu thuẫn xung đột. Vì vậy vợ chồng tôi sống ly thân từ

năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Đình B.

Về con: Chúng tôi có một con chung là cháu Trương Hồng Ph, sinh ngày 18/12/2016, hiện tại cháu đang ở với tôi. Tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Ph và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày ngày 05/9/2019 của mẹ đẻ anh Trương Đình B là bà Lê Thị L thể hiện: Năm 2016, gia đình tôi có cưới vợ cho cháu B, vợ B là chị Đàm Thị A. Sau khi cưới xong vợ chồng anh B chị A vẫn ở chung cùng gia đình tôi, cho đến cuối năm 2017, chị A bế con về nhà ngoại chơi và ở luôn bên ngoại, không về nhà tôi nữa. Đầu tháng 9/2019, chị A đưa con về nhà tôi chơi, hôm đó cháu B cũng đi làm mới về nhà chơi, hôm Tòa án báo đến Tòa làm việc thì cháu B đã đi làm. Việc vợ chồng cháu B mâu thuẫn tôi cũng đã trực tiếp giàn xếp cho đoàn tụ nhưng vợ chồng anh B chị A thường xuyên cãi nhau nên cháu B chán và bỏ đi làm ăn, thỉnh thoảng điện thoại về hỏi thăm gia đình tôi. Nay anh B làm ở đâu tôi cũng không biết địa chỉ vì lái xe nay đây mai đó. Về con: vợ chồng anh B chị A có một con chung là cháu Trương Hồng Ph, sinh ngày 18/12/2016, hiện đang ở cùng chị A. Về tài sản: anh B và chị A không có tài sản chung.

Mọi văn bản giấy tờ của Tòa án gửi cho cháu B tôi sẽ có trách nhiệm giao lại cho cháu hoặc thông báo nội dung cho cháu.

Tòa án đã trực tiếp đến nhà anh Trương Đình B nhưng anh đi làm không có nhà nên đã giao các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ anh B là bà Lê Thị L, bà cam đoan sẽ thông báo nội dung văn bản cho anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Cơ quan tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Anh Trương Đình B và chị Đàm Thị A kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, anh chị có mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, chị A đề nghị ly hôn, anh B biết nhưng không có ý kiến gì, thể hiện tình cảm của chị thực sự không còn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Đàm Thị A. Về con: Anh B chị A có 01 con chung là cháu Trương Hồng Ph, sinh ngày 18/12/2016. Hiện cháu Ph đang còn nhỏ và lâu nay sống cùng chị nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị A, giao cháu Trương Hồng Ph cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản và công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đàm Thị A không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Trương Đình B và chị Đàm Thị A tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện H, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào tháng 01 năm 2016 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau bình thường một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, gia đình hòa giải nhưng không được. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau, Tòa án đã thông báo và giao các văn bản tố tụng cho mẹ anh B là bà L, bà cam đoan sẽ thông báo nội dung các văn bản cho anh B biết, nhưng do anh làm ăn xa không thể về được, cũng không có ý kiến gì. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Anh Trương Đình B và chị Đàm Thị A có một con chung là cháu Trương Hồng Ph, sinh ngày 18/12/2016, lâu nay đang ở với chị A. Do đến thời điểm hiện tại cháu Ph chưa đủ 36 tháng tuổi, đang còn rất nhỏ cần có hơi ấm và sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, chị A cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Ph nên cần giao cháu Trương Hồng Ph cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đàm Thị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tố tụng: Ngày 20/9/2019, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương cho biết: Anh Trương Đình B và chị Đàm Thị A kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo luật định, việc anh B và chị A xảy ra mâu thuẫn như thế nào xã không nắm được cụ thể, chỉ biết chị A đưa con về bên ngoại ở

từ cuối năm 2017, anh chị không còn chung sống cùng nhau ở xã Tr. Nay chị A làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Đàm Thị A có đơn đề nghị không hòa giải nên căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải đối với anh chị.

Đối với anh Trương Đình B dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã giao toàn bộ giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ anh là bà Lê Thị L, bà cam đoan thông báo lại nội dung cho anh B nhưng anh đều không có mặt tại Tòa án thể hiện anh cố tình trốn tránh, bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không mong muốn hòa giải để đoàn tụ. Tại phiên tòa ngày 11/10/2019, anh Trương Đình B vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trương Đình B vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là đúng quy định của pháp luật.

*Về án phí:* Nguyên đơn chị Đàm Thị A phải chịu toàn bộ án phí dân sự trong vụ án ly hôn.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Xử:*

Về hôn nhân: Chị Đàm Thị A được ly hôn với anh Trương Đình B.

Về con: Công nhận cháu Trương Hồng Ph, sinh ngày 18/12/2016 là con chung của anh Trương Đình B và chị Đàm Thị A. Giao cháu Trương Hồng Ph cho chị Đàm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Đình B có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đàm Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005780 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị A đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đàm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Trương Đình B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Tr;
- UBND xã Ng, h.S;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ngọc Tú**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hùng    Trần Thị Hoa**

**Lê Thị Ngọc Tú**





